

Phân tích điểm mới của Luật Phục hồi, phá sản năm 2025 và so sánh với Luật Phá sản năm 2014

Trần Nguyễn Quang Hạ

Khoa Luật, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Thành phố Hồ Chí Minh
tnqha@ntt.edu.vn

Tóm tắt

Nghiên cứu này phân tích những điểm đổi mới cơ bản của Luật Phục hồi, phá sản năm 2025 và so sánh với Luật Phá sản năm 2014 nhằm làm rõ sự thay đổi trong tư duy lập pháp và ý nghĩa chính sách của khung pháp lý mới trong xử lý tình trạng mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp và hợp tác xã. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp phân tích - tổng hợp, so sánh luật và bình luận chính sách trên cơ sở đối chiếu quy định của hai đạo luật và tham chiếu xu hướng cải cách pháp luật phá sản trên thế giới. Kết quả cho thấy Luật Phục hồi, phá sản năm 2025 thể hiện sự chuyển dịch từ mô hình phá sản thiên về thanh lý sang hướng phòng ngừa và phục hồi. Những điểm mới nổi bật gồm việc xác lập thủ tục phục hồi doanh nghiệp như cơ chế trung tâm, mở rộng các công cụ hỗ trợ phục hồi gắn với chính sách tài chính và quản trị, hoàn thiện vai trò của quản tài viên và bước đầu thiết lập cơ chế xử lý phá sản có yếu tố nước ngoài. Qua đó, bài viết góp phần làm rõ ý nghĩa pháp lý của các cải cách này và cung cấp cơ sở tham khảo cho việc hoàn thiện và thực thi pháp luật về phục hồi, phá sản ở Việt Nam.

Nhận 25/01/2026
Được duyệt 13/03/2026
Công bố 28/03/2026

Từ khóa

Luật Phục hồi, phá sản năm 2025; phục hồi doanh nghiệp; mất khả năng thanh toán; quản tài viên; phá sản xuyên biên giới.

© 2026 Journal of Science and Technology - NTTU

1 Đặt vấn đề

Pháp luật phá sản là công cụ tốt nhất để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ [1]. Luật Phá sản năm 2014 (Luật năm 2014) [2], dù đã thiết lập khuôn khổ pháp lý tương đối đầy đủ, song về cơ bản vẫn mang nặng tư duy thanh lý, can thiệp muộn và thiên về tổ tụng truyền thống. Những hạn chế này thể hiện rõ trong thực tiễn qua tỷ lệ phục hồi doanh nghiệp thấp [3], thời gian giải quyết kéo dài, chi phí lớn và hiệu quả hạn chế đối với các vụ việc phức tạp, có yếu tố liên ngành, liên địa bàn và xuyên biên giới. Trong bối cảnh đó, việc ban hành Luật Phục hồi, phá sản năm 2025 (Luật năm 2025) [4] phản ánh nỗ lực đổi mới căn bản tư duy lập pháp,

chuyển từ mô hình “xử lý hậu quả” sang mô hình “phòng ngừa và phục hồi”.

Trên cơ sở đó, việc nghiên cứu và so sánh những điểm mới của Luật năm 2025 với Luật năm 2014 có ý nghĩa cả về lý luận lẫn thực tiễn, góp phần đánh giá mức độ đổi mới, tính khả thi và tác động chính sách của đạo luật mới, đồng thời làm rõ những vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện trong quá trình tổ chức thi hành pháp luật phục hồi, phá sản ở Việt Nam.

2 Thảo luận

2.1 Thay đổi triết lý tiếp cận và tên gọi của đạo luật

Một trong những đổi mới mang tính nền tảng của Luật năm 2025 nằm ở sự chuyển dịch rõ rệt trong triết lý tiếp

cận lập pháp đối với hiện tượng mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX). Sự chuyển dịch này được thể hiện không chỉ ở kỹ thuật lập pháp cụ thể mà còn ở chính tên gọi và phạm vi điều chỉnh của đạo luật [5]. Trong khi Luật năm 2014 tiếp cận phá sản chủ yếu như một thủ tục xử lý hậu quả của tình trạng mất khả năng thanh toán, với mục tiêu trung tâm là tuyên bố phá sản và thanh lý tài sản để chấm dứt sự tồn tại pháp lý của doanh nghiệp [2, Điều 4 và Chương VIII], thì Luật năm 2025 đã tái cấu trúc cách tiếp cận này theo hướng coi phá sản là một cơ chế quản trị khủng hoảng doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Theo cách tiếp cận mới, tình trạng mất khả năng thanh toán không còn được nhìn nhận đơn thuần như một “điểm kết thúc” của vòng đời doanh nghiệp. Thay vào đó, đây được coi là một giai đoạn rủi ro cần được can thiệp kịp thời bằng các công cụ pháp lý nhằm khôi phục khả năng hoạt động và bảo toàn giá trị kinh tế – xã hội của doanh nghiệp. Sự tái định vị này được thể hiện rõ qua việc Luật năm 2025 đặt thủ tục phục hồi ở vị trí trung tâm và ưu tiên áp dụng trước khi xem xét tuyên bố phá sản [6] (Chương II về thủ tục phục hồi được thiết kế trước Chương III về thủ tục phá sản). Cụ thể, thủ tục phục hồi được xác lập là cơ chế mặc định, còn phá sản chỉ được áp dụng khi các biện pháp phục hồi không khả thi hoặc không đạt được sự đồng thuận cần thiết [4, Điều 3 và Điều 5].

Không dừng lại ở việc tái cấu trúc trình tự thủ tục, Luật năm 2025 còn mở rộng chức năng điều tiết của pháp luật phá sản thông qua việc lồng ghép các chính sách hỗ trợ mang tính liên ngành. Theo đó, các biện pháp về ưu đãi thuế, phí, tiếp cận tín dụng, hỗ trợ chuyển đổi số và tái cơ cấu quản trị doanh nghiệp được ghi nhận như những công cụ pháp lý hỗ trợ cho quá trình phục hồi [4, Điều 4 và Điều 7]. Cách tiếp cận này cho thấy pháp luật phá sản không còn bị giới hạn trong phạm vi tổ tụng tư pháp thuần túy, mà được đặt trong mối liên hệ hữu cơ với chính sách kinh tế, tài chính và phát triển doanh nghiệp. Sự thay đổi về triết lý lập pháp của Luật năm 2025 phản ánh xu hướng phổ biến của pháp luật phá sản hiện đại, thường được khái quát dưới thuật ngữ văn hóa phục hồi (rescue culture) [7-9]. Theo đó, Luật năm 2025 đề cao việc cứu vãn doanh nghiệp còn khả năng phục hồi

nhằm bảo vệ việc làm, duy trì chuỗi cung ứng và hạn chế tác động lan tỏa tiêu cực đối với nền kinh tế. Ý tưởng cốt lõi của phục hồi là việc áp dụng các biện pháp khắc phục tại thời điểm doanh nghiệp rơi vào khủng hoảng [10]. Qua đó nâng cao vai trò của pháp luật phá sản như một công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô trong bối cảnh hội nhập và biến động kinh tế ngày càng phức tạp.

2.2 Tiêu chí xác định tình trạng mất khả năng thanh toán

Sự điều chỉnh tiêu chí xác định tình trạng mất khả năng thanh toán trong Luật năm 2025 là một trong những sửa đổi có ý nghĩa thực chất, tác động trực tiếp đến thời điểm mở thủ tục, phạm vi can thiệp của Nhà nước và mức độ chủ động của doanh nghiệp trong việc xử lý khủng hoảng tài chính. Nếu Luật năm 2014 quy định doanh nghiệp chỉ bị coi là mất khả năng thanh toán khi không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn [2, khoản 1 Điều 4]. Luật năm 2025 đã mở rộng và “làm mềm hóa” tiêu chí xác định tình trạng mất khả năng thanh toán theo hướng tiệm cận với pháp luật phá sản hiện đại. Theo đó, thời hạn không thanh toán được kéo dài lên 06 tháng, qua đó giảm áp lực pháp lý tức thời đối với doanh nghiệp trong giai đoạn khó khăn ngắn hạn [4, khoản 1 và khoản 2 Điều 5]. Tránh tình trạng doanh nghiệp, HTX rơi vào tình trạng “bị ép phá sản”, làm ảnh hưởng tới uy tín và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, HTX đó [11].

Quan trọng hơn, lần đầu tiên pháp luật Việt Nam chính thức ghi nhận khái niệm “nguy cơ mất khả năng thanh toán” như một trạng thái pháp lý độc lập, được xác định khi doanh nghiệp không có khả năng thanh toán các khoản nợ sẽ đến hạn trong vòng 06 tháng hoặc các khoản nợ đã đến hạn nhưng chưa quá 06 tháng [4, khoản 1 Điều 5]. Việc thừa nhận trạng thái “nguy cơ mất khả năng thanh toán” cho thấy sự chuyển dịch từ tư duy xử lý hậu quả sang tư duy phòng ngừa và can thiệp sớm. Thay vì chờ đến khi doanh nghiệp rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán hoàn toàn, pháp luật cho phép và khuyến khích doanh nghiệp chủ động tiếp cận các cơ chế phục hồi ngay từ giai đoạn đầu của khủng hoảng tài chính. Trên cơ sở đó, Luật năm 2025 trao cho doanh nghiệp quyền nộp đơn yêu cầu áp dụng

thủ tục phục hồi khi mới phát sinh nguy cơ, qua đó mở rộng không gian pháp lý cho các giải pháp tái cơ cấu nợ, tổ chức lại hoạt động kinh doanh và thương lượng với chủ nợ [4, Điều 28].

Sự điều chỉnh tiêu chí này góp phần cân bằng lợi ích giữa doanh nghiệp và chủ nợ. Một mặt, doanh nghiệp có thêm thời gian và công cụ pháp lý để tái cấu trúc, tránh việc bị “đẩy” quá sớm vào thủ tục phá sản mang tính thanh lý. Mặt khác, việc xác định rõ trạng thái nguy cơ mất khả năng thanh toán cũng giúp chủ nợ nhận diện sớm rủi ro, tăng cường giám sát và tham gia kịp thời vào quá trình phục hồi, từ đó hạn chế nguy cơ đổ vỡ dây chuyền và tổn thất lan tỏa trong nền kinh tế.

2.3 Thẩm quyền của Tòa án trong giải quyết vụ việc phá sản

Luật năm 2014 thiết lập cơ chế phân định thẩm quyền giữa Tòa án nhân dân (TAND) cấp huyện và cấp tỉnh chủ yếu dựa trên tiêu chí địa lý hành chính, cụ thể là nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc đăng ký kinh doanh [2, Điều 8]. Cách tiếp cận này về mặt hình thức bảo đảm tính gần gũi, thuận tiện cho đương sự. Song trong thực tiễn áp dụng đã bộc lộ nhiều hạn chế. Mô hình phân quyền theo cấp hành chính dẫn đến sự phân tán về năng lực xét xử và thiếu tính chuyên môn hóa. Trong bối cảnh phá sản ngày càng gắn chặt với các vấn đề tài chính - tín dụng, thị trường vốn, quản trị doanh nghiệp và tái cấu trúc nợ, không phải TAND cấp huyện nào cũng có đủ điều kiện về nguồn nhân lực, kinh nghiệm và kỹ năng để xử lý hiệu quả các vụ việc phức tạp. Điều này làm gia tăng nguy cơ kéo dài thời gian giải quyết, áp dụng pháp luật thiếu thống nhất và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể liên quan.

Nhằm khắc phục những bất cập nêu trên, Luật năm 2025 đã thay đổi căn bản mô hình thẩm quyền giải quyết bằng việc trao thẩm quyền cho một số TAND khu vực [4, Điều 6], cụ thể: (i) Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội; (ii) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng; và (iii) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh [12, khoản 2 Điều 4]. Việc thiết kế lại thẩm quyền theo đơn vị xét xử khu vực cho phép tập trung nguồn lực tư pháp, tạo điều kiện hình thành đội ngũ thẩm phán có chuyên môn sâu về phục hồi và phá sản, đồng thời

nâng cao tính nhất quán trong áp dụng pháp luật. Đây là bước đi phù hợp với xu hướng cải cách tổ chức Tòa án theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp và tăng cường chất lượng xét xử. Đáng chú ý, Luật năm 2025 còn trao cho TAND tối cao thẩm quyền giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giữa các TAND khu vực [4, điểm b khoản 4 Điều 6]. Quy định này không chỉ có ý nghĩa kỹ thuật nhằm bảo đảm việc xác định đúng thẩm quyền xét xử, mà còn góp phần củng cố vai trò điều phối và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật của TAND tối cao trong lĩnh vực phục hồi, phá sản - một lĩnh vực vốn tiềm ẩn nhiều xung đột về thẩm quyền do tính chất phức tạp và đa địa bàn của các vụ việc.

2.4 Cơ chế giải quyết vụ việc trên môi trường điện tử

Một trong những điểm đổi mới mang tính đột phá của Luật năm 2025 là việc chính thức thể chế hóa cơ chế giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản trên môi trường điện tử. Luật năm 2014 vẫn được xây dựng trên nền tảng của mô hình tố tụng truyền thống, với các phương thức chủ yếu như nộp đơn trực tiếp tại Tòa án hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính [2, Điều 26 và Điều 43]. Luật năm 2025 đã có bước chuyển quan trọng khi dành riêng Điều 23 để quy định một cách toàn diện về việc tổ chức và tiến hành thủ tục phục hồi, phá sản bằng phương thức điện tử.

Việc ban hành một điều luật chuyên biệt về thủ tục điện tử cho thấy sự thay đổi về tư duy lập pháp: từ chỗ coi ứng dụng công nghệ thông tin là biện pháp hỗ trợ kỹ thuật, sang việc xem đây là một cấu thành chính thức và không thể tách rời của quy trình tố tụng. Theo Luật năm 2025, hầu hết các hoạt động tố tụng trọng yếu trong quá trình giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản - bao gồm nộp đơn yêu cầu, nộp lệ phí, cung cấp và tiếp cận chứng cứ, thông báo cho chủ nợ, tổ chức phiên họp chủ nợ, cũng như việc bán tài sản của doanh nghiệp - đều có thể được thực hiện thông qua hệ thống điện tử của TAND [4, Điều 23]. Cách thiết kế này mở rộng đáng kể phạm vi áp dụng của tố tụng điện tử, vượt ra ngoài khuôn khổ thử nghiệm hoặc áp dụng hạn chế vốn tồn tại trước đây.

Cơ chế điện tử góp phần khắc phục những hạn chế cố hữu của thủ tục phá sản truyền thống, vốn thường kéo dài về thời gian và phát sinh chi phí lớn do số lượng

chủ thể tham gia đông đảo, tài liệu phức tạp và phạm vi địa lý rộng. Việc số hóa các khâu tố tụng giúp rút ngắn thời gian luân chuyển hồ sơ, giảm chi phí hành chính và tạo điều kiện cho các bên tham gia theo dõi, cập nhật thông tin vụ việc một cách kịp thời và liên tục. Đồng thời, các thông báo điện tử và cơ sở dữ liệu trực tuyến cũng góp phần hạn chế tình trạng bỏ sót chủ nợ hoặc tranh chấp phát sinh do thông tin không đầy đủ.

Ở góc độ bảo đảm quyền tiếp cận công lý, việc cho phép thực hiện thủ tục phục hồi, phá sản trên môi trường điện tử có ý nghĩa đặc biệt đối với các chủ thể ở xa trung tâm xét xử hoặc có hạn chế về điều kiện đi lại, nhất là trong các vụ việc có yếu tố liên tỉnh, liên vùng. Ứng dụng công nghệ giúp giảm bớt sự lệ thuộc vào không gian địa lý, qua đó tăng cường tính bình đẳng giữa các bên tham gia và nâng cao khả năng thực thi quyền tố tụng của chủ nợ, người lao động và doanh nghiệp.

Các quy định của Luật năm 2025 thể hiện sự gắn kết giữa pháp luật phá sản với chiến lược chuyển đổi số quốc gia và cải cách tư pháp. Việc tích hợp thủ tục phục hồi, phá sản vào hệ thống Tòa án điện tử không chỉ mang ý nghĩa kỹ thuật, mà còn góp phần nâng cao tính minh bạch, khả năng kiểm soát và trách nhiệm giải trình của cơ quan tiến hành tố tụng.

2.5 Thiết lập thủ tục phục hồi và phá sản rút gọn

Luật năm 2025 đã có bước tiến đáng kể khi thiết kế một cách có hệ thống các thủ tục rút gọn trong lĩnh vực phục hồi và phá sản. Việc thiết lập các thủ tục này xuất phát từ yêu cầu thực tiễn nhằm xử lý nhanh các vụ việc có quy mô nhỏ, cấu trúc tài chính đơn giản hoặc không còn khả năng phục hồi, qua đó khắc phục tình trạng “quá tải thủ tục” vốn tồn tại phổ biến trong cơ chế phá sản truyền thống.

Thủ tục phục hồi rút gọn được áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ hoặc doanh nghiệp có dưới 20 chủ nợ không có bảo đảm, với tổng số nợ gốc dưới 10 tỷ đồng [4, Điều 68]. Đồng thời, thời hạn giải quyết thủ tục này chỉ bằng một nửa so với thủ tục phục hồi thông thường [4, Điều 69]. Cách thiết kế này phản ánh tư duy phân loại vụ việc theo mức độ phức tạp, thay vì áp dụng một quy trình thống nhất cho mọi trường hợp, qua đó góp phần nâng cao tính linh hoạt và hiệu quả của hệ thống pháp luật phá sản. Việc cho phép áp dụng thủ tục

phục hồi rút gọn đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi đây là nhóm chủ thể chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế nhưng lại có năng lực tài chính và khả năng chịu đựng chi phí pháp lý rất hạn chế. Việc áp dụng một thủ tục phục hồi kéo dài, phức tạp như đối với các doanh nghiệp lớn không chỉ làm gia tăng chi phí tố tụng mà còn có nguy cơ làm triệt tiêu hoàn toàn cơ hội phục hồi của doanh nghiệp. Thủ tục rút gọn, với thời hạn ngắn hơn và yêu cầu thủ tục đơn giản hơn, tạo điều kiện để doanh nghiệp nhanh chóng tái cấu trúc hoặc chấm dứt hoạt động một cách trật tự, qua đó giảm thiểu tổn thất kinh tế - xã hội.

Đối với thủ tục phá sản rút gọn, pháp luật cho phép áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp không còn tài sản hoặc đối với các chủ thể đặc thù như tổ chức tín dụng và doanh nghiệp bảo hiểm [4, Điều 70]. Việc mở rộng phạm vi áp dụng thủ tục phá sản rút gọn cho các chủ thể này phản ánh sự thừa nhận tính chất đặc thù của các vụ việc phá sản trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, vốn đòi hỏi sự xử lý nhanh chóng, dứt điểm nhằm bảo đảm ổn định hệ thống và hạn chế rủi ro lan truyền.

So với Luật năm 2014, trong đó thủ tục rút gọn chỉ được quy định một cách rất hạn chế và chủ yếu áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp không còn tài sản để thanh lý [2, Điều 105], Luật năm 2025 đã mở rộng đáng kể phạm vi và điều kiện áp dụng. Sự mở rộng này không chỉ mang ý nghĩa kỹ thuật, mà còn thể hiện sự thay đổi trong cách tiếp cận lập pháp: từ việc coi thủ tục rút gọn là ngoại lệ, sang việc xem đây là một công cụ pháp lý chính thức nhằm nâng cao hiệu quả vận hành của cơ chế phục hồi và phá sản.

2.6 Hợp tác quốc tế và giải quyết vụ việc có yếu tố nước ngoài

So với Luật năm 2014 - vốn chỉ dừng lại ở những quy định mang tính nguyên tắc và chưa hình thành một cơ chế đầy đủ về phá sản có yếu tố nước ngoài - Luật năm 2025 đã có bước hoàn thiện đáng kể về mặt thể chế khi lần đầu tiên thiết lập một khung pháp lý tương đối toàn diện về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phục hồi và phá sản. Sự hoàn thiện này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh các quan hệ kinh doanh ngày càng mang tính xuyên biên giới, với tài sản, chủ nợ và nghĩa vụ của doanh nghiệp phân bố ở nhiều quốc gia khác nhau.

Cụ thể, Chương XII Luật năm 2025 đã dành một cấu trúc riêng để điều chỉnh các vấn đề liên quan đến tương trợ tư pháp quốc tế trong phục hồi, phá sản. Luật năm 2025 đã quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự và thủ tục để Tòa án Việt Nam yêu cầu cơ quan có thẩm quyền nước ngoài hỗ trợ trong việc xác minh tài sản, thu thập chứng cứ, áp dụng biện pháp bảo toàn tài sản hoặc phối hợp xử lý vụ việc [4, Điều 73]. Đồng thời, Luật năm 2025 cũng thiết lập cơ chế tiếp nhận, xem xét và xử lý yêu cầu tương trợ tư pháp từ phía Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, trong các trường hợp Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài yêu cầu Tòa án Việt Nam hỗ trợ để giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản của nước ngoài; hoặc đại diện vụ việc phục hồi, phá sản của nước ngoài mà được Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài chỉ định, yêu cầu Tòa án Việt Nam hỗ trợ công nhận quyền đại diện chủ nợ, người mắc nợ để yêu cầu, tham gia vụ việc phục hồi, phá sản do Tòa án Việt Nam giải quyết [4, Điều 74]. Việc cụ thể hóa các nội dung này giúp khắc phục tình trạng lúng túng trong thực tiễn áp dụng Luật năm 2014, khi các vụ việc phá sản có yếu tố nước ngoài thường phải viện dẫn rải rác các quy định của pháp luật tố tụng dân sự hoặc điều ước quốc tế liên quan.

Đáng chú ý, Luật năm 2025 lần đầu tiên thiết lập một trình tự, thủ tục tương đối rõ ràng về công nhận và cho thi hành tại Việt Nam các bản án, quyết định về phục hồi, phá sản của Tòa án nước ngoài. Việc công nhận không được thực hiện một cách tự động, mà phải trải qua quá trình xem xét của Tòa án Việt Nam trên cơ sở các điều kiện và căn cứ pháp lý cụ thể [4, Điều 75]. Đồng thời quy định rõ các căn cứ từ chối công nhận như Bản án, quyết định xâm phạm nghiêm trọng tới quyền của các chủ nợ, người mắc nợ, người có quyền và lợi ích liên quan trong quá trình giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản; Bản án, quyết định đang được xem xét lại tại nước ban hành hoặc thời hạn để yêu cầu xem xét theo thủ tục thông thường tại nước đó vẫn chưa hết hiệu lực; Bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật, đã bị hủy bỏ hoặc đình chỉ thi hành tại nước đã ra bản án, quyết định đó; Hết thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật Việt Nam... [4, khoản 3 Điều 75]. Theo đó nhấn mạnh việc bảo vệ lợi ích quốc gia, trật tự

công và quyền, lợi ích hợp pháp của chủ nợ trong nước. Cách tiếp cận này thể hiện sự cân bằng giữa yêu cầu hội nhập pháp lý quốc tế và nhu cầu bảo đảm chủ quyền tư pháp cũng như lợi ích kinh tế - xã hội của Việt Nam. Các quy định của Luật năm 2025 cho thấy sự tiệm cận rõ rệt với các chuẩn mực quốc tế về phá sản xuyên biên giới, đặc biệt là các nguyên tắc cơ bản của Luật mẫu của UNCITRAL về phá sản xuyên biên giới (UNCITRAL Model Law on Cross-Border Insolvency) năm 1997 như hợp tác giữa các Tòa án, công nhận có điều kiện các thủ tục nước ngoài và bảo đảm trật tự công của quốc gia tiếp nhận. Mặc dù chưa nội luật hóa đầy đủ mô hình luật mẫu này, Luật năm 2025 đã đặt nền móng quan trọng cho việc xử lý hiệu quả các vụ việc phá sản có yếu tố nước ngoài trong thực tiễn xét xử.

2.7 Thứ tự phân chia tài sản

Luật năm 2025 có sự thay đổi đáng kể về cấu trúc thứ tự ưu tiên phân chia tài sản, thể hiện xu hướng chi tiết hóa và phân tầng rõ ràng hơn.

Trước hết, đối với quyền lợi của người lao động (NLĐ), Luật năm 2014 gộp toàn bộ các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác theo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể vào cùng một thứ tự ưu tiên [2, Điều 54]. Trong khi đó, Luật năm 2025 tách thành ba nhóm độc lập và sắp xếp theo thứ tự riêng biệt: nợ lương; các khoản bảo hiểm bắt buộc (bao gồm bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp); và trợ cấp thôi việc cùng các quyền lợi khác của NLĐ [4, Điều 46]. Sự phân tầng này cho thấy nhà làm luật đặt ưu tiên cao nhất đối với thu nhập trực tiếp của NLĐ, tiếp đến là các nghĩa vụ an sinh xã hội mang tính bắt buộc. Qua đó tăng cường bảo vệ lợi ích thiết yếu và nâng cao tính minh bạch trong trường hợp tài sản không đủ để thanh toán. Bên cạnh đó, Luật năm 2025 quy định các khoản bảo hiểm được ưu tiên thanh toán, cụ thể bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Việc bổ sung này không chỉ bảo đảm sự đồng bộ với hệ thống pháp luật lao động và an sinh xã hội hiện hành mà còn làm rõ tính bắt buộc của các loại bảo hiểm khi NLĐ tham gia vào quan hệ lao động. Đồng thời, hạn chế tối đa khả năng phát sinh tranh luận về phạm vi phân chia tài sản liên quan đến NLĐ.

Đối với khoản nợ phục vụ mục đích phục hồi hoạt động kinh doanh, Luật năm 2014 chỉ giới hạn các khoản nợ phát sinh “sau khi mở thủ tục phá sản” [2, Điều 54]. Trong khi đó, Luật năm 2025 lược bỏ yếu tố thời điểm và chỉ nhấn mạnh đến mục đích phục hồi [4, Điều 46]. Việc thay đổi đối với các khoản nợ phục hồi thể hiện sự thay đổi quan trọng trong tư duy lập pháp: từ chỗ ưu tiên bảo vệ các quyền lợi đã phát sinh trong quá khứ sang việc tạo lập động lực pháp lý cho các giao dịch phát sinh trong tương lai, phục vụ trực tiếp cho mục tiêu cứu vãn doanh nghiệp. Trong bối cảnh thiếu sự bảo đảm về thứ tự ưu tiên, các giao dịch hỗ trợ phục hồi thường bị coi là rủi ro cao, dẫn đến việc doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn và nguồn cung cần thiết để duy trì hoạt động. Việc ghi nhận thứ tự ưu tiên thanh toán cao cho các khoản nợ phục hồi đã làm thay đổi đáng kể cán cân rủi ro này, qua đó khuyến khích các chủ thể tham gia hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn tái cấu trúc.

Một thay đổi quan trọng khác là việc điều chỉnh vị trí của nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Nếu như Luật năm 2014 xếp nghĩa vụ này cùng nhóm với các khoản nợ không có bảo đảm và phần nợ có bảo đảm chưa được thanh toán, thì Luật năm 2025 đã tách nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước thành một thứ tự ưu tiên riêng và đặt trước nhóm chủ nợ không có bảo đảm [4, Điều 46]. Điều này đồng nghĩa với việc nâng cao vị thế ưu tiên của Nhà nước trong phân chia tài sản phá sản, đồng

thời có thể ảnh hưởng đến mức độ thu hồi nợ của các chủ nợ thương mại.

3 Kết luận

Từ các nội dung phân tích trên có thể thấy rằng Luật Phục hồi, phá sản năm 2025 không chỉ sửa đổi mang tính kỹ thuật so với Luật Phá sản năm 2014 mà còn thể hiện một mức độ đổi mới mang tính cấu trúc và định hướng chính sách rõ rệt. Những cải cách của Luật Phục hồi, phá sản năm 2025 trải rộng từ triết lý tiếp cận, tiêu chí xác định tình trạng mất khả năng thanh toán, tổ chức thẩm quyền xét xử, đến cơ chế tố tụng điện tử, thủ tục rút gọn, hợp tác quốc tế và cấu trúc phân chia tài sản. Điểm nổi bật nhất là sự chuyển dịch từ mô hình pháp luật phá sản thiên về thanh lý sang mô hình quản trị khủng hoảng doanh nghiệp theo hướng phòng ngừa và phục hồi, phù hợp với xu hướng “văn hóa phục hồi” của pháp luật phá sản hiện đại. Đồng thời, việc mở rộng các công cụ can thiệp sớm, tăng cường chuyên môn hóa của Tòa án, thúc đẩy số hóa thủ tục tố tụng và tiệm cận các chuẩn mực quốc tế về phá sản xuyên biên giới cho thấy nỗ lực của nhà làm luật trong việc nâng cao hiệu quả vận hành của cơ chế xử lý mất khả năng thanh toán. Nhìn tổng thể, các sửa đổi này không chỉ cải thiện kỹ thuật lập pháp mà còn góp phần tái định vị vai trò của pháp luật phục hồi, phá sản như một công cụ điều tiết kinh tế quan trọng trong bối cảnh hội nhập và biến động của nền kinh tế thị trường.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Thị Tâm. (2023). Vai trò của pháp luật phá sản và các nguyên tắc cơ bản đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ trong thủ tục phá sản do-anh nghiệp. *Tạp chí Pháp lý*, số 3/2023.
2. Quốc hội. (2014). Luật Phá sản.
3. Đậu Hương Nam. (2025). Phá sản doanh nghiệp: Một số khía cạnh lý thuyết và khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam. Truy cập từ <https://lyluanchinhtri.vn/pha-san-doanh-nghiep-mot-so-khia-canh-ly-thuyet-va-khuyen-nghi-chinh-sach-doi-voi-viet-nam-10300.html>, ngày 05/03/2026.
4. Quốc hội. (2025). Luật Phục hồi, phá sản.
5. Dũng Bình. (2026). Giới thiệu một số điểm mới cơ bản của Luật Phục hồi, phá sản. Truy cập từ <https://tapchitoaan.vn/gioi-thieu-mot-so-diem-moi-co-ban-cua-luat-phuc-hoi-pha-san14804.html>, ngày 25/01/2026.

6. Nguyễn Hùng, Hà Lan, Cao Hoàng, Vũ Hiếu. (2025). Sửa Luật Phá sản nhằm khuyến khích, ưu tiên phục hồi kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã. Truy cập từ <https://quochoi.vn/pages/tim-kiem.aspx?ItemID=96280>, ngày 25/01/2026.
7. Kharbanda và Stallworthy. (1988). *Takeovers, Acquisitions and Mergers, Strategies for Rescuing Companies in Distress*. Vương quốc Anh: Nxb Kogan Page.
8. V.Finch. (2009). *Corporate Insolvency Law (Tái bản lần 2)*. Cambridge: Nxb Cambridge University Press.
9. Harry Rajak. (1993). *Insolvency Law: Theory and Practice*. London: Nxb Sweet and Maxwell.
10. LawTeacher. (2018). The Rescue Culture. Truy cập từ <https://www.lawteacher.net/free-law-essays/finance-law/the-rescue-culture.php>, ngày 25/01/2026.
11. Trương Thị Quỳnh Trâm. (2019). Hoàn thiện các quy định của luật phá sản năm 2014. *Nghiên cứu Lập pháp*, số 13(389) T7/2019.
12. Ủy ban Thường vụ Quốc hội. (2025). Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27-06-2025 về Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Analysis of the new provisions of the 2025 law on recovery and bankruptcy in comparison with the 2014 law on bankruptcy

Tran Nguyen Quang Ha

Faculty of Law, Nguyen Tat Thanh University, Ho Chi Minh City, Viet Nam
tnqha@ntt.edu.vn

Abstract This article analyzes the fundamental innovations introduced by the Law on Recovery and Bankruptcy 2025 and compares them with the Law on Bankruptcy 2014 in order to clarify the shift in legislative thinking and the policy implications of the new legal framework for addressing the insolvency of enterprises and cooperatives. The study employs analytical-synthetic methods, comparative legal analysis, and policy commentary by examining the provisions of the two statutes and referring to global trends in insolvency law reform. The findings indicate that the 2025 Law reflects a significant transition from a liquidation-oriented bankruptcy model toward a preventive and rehabilitation-focused approach to corporate distress management. Notable innovations include the establishment of business rehabilitation procedures as the central mechanism, the expansion of recovery-supporting instruments linked to financial and corporate governance policies, the clarification and strengthening of the role of insolvency practitioners, and the initial introduction of mechanisms for handling cross-border insolvency cases. On this basis, the article contributes to clarifying the legal significance of these reforms and provides a reference framework for the further improvement and effective implementation of rehabilitation and bankruptcy law in Viet Nam.

Keywords Law on Recovery and Bankruptcy 2025; corporate recovery; insolvency; insolvency practitioner; cross-border bankruptcy.

